

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2018

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển, bà Trần Thị Thanh Miên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST - HNGĐ ngày 19/10/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin giải quyết vắng mặt;

* Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Ngọc H (sau đây gọi là bà L, ông H) tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông Hùng thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, xúc phạm vợ. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2005 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn ai quan tâm đến ai nữa.

Nay mỗi người đã có cuộc sống riêng ổn định nên bà Lê Thị L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Về con: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về hướng giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại Thôn 10, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Nguyễn Ngọc H.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào giấy Trích lục kết hôn số 434/TLKH-BS ngày 23/8/2017 thể hiện bà Lê Thị L và ông Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước có chứng nhận kết hôn số 30 ngày 28/5/2003. Như vậy, quan hệ giữa bà L và ông Hùng được pháp luật thừa nhận là vợ chồng, nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xác định nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, ông Hùng thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2005 bà L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh Đồng Nai và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn ai quan tâm đến ai nữa. Nay mỗi người đã có cuộc sống riêng ổn định, nên bà Lê Thị L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo về phiên hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng ông Hùng vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông Hùng đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Ngày 22/01/2018 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị L với ông Nguyễn Ngọc H được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông Hùng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ pháp lý: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung trở nên trầm trọng, tình cảm của bà L và ông Hùng không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị L với bị đơn ông Nguyễn Ngọc H.

[3] *Về con chung; tài sản chung và nợ chung:*

Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L

Tuyên xử: Bà Lê Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết;

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 025093 ngày 29/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP; VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán